



GREEN BOND

Khung trái phiếu xanh của Vietcombank

Vietcombank's Green Bond Framework



Khung trái phiếu xanh của Vietcombank

Vietcombank's Green Bond Framework

MỤC LỤC

Table of content

1	GIỚI THIỆU <i>Introduction</i>	05
	<ul style="list-style-type: none"> 1. BỐI CẢNH <i>Context</i> 2. GIỚI THIỆU VỀ VIETCOMBANK <i>Introduction about Vietcombank</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 06 10
2	ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CỦA VIETCOMBANK ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG <i>Positive Contributions of Vietcombank to Sustainable Development</i>	13
	<ul style="list-style-type: none"> 1. CÁC KẾT QUẢ TÍCH CỰC VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG <i>Achieving positive environmental outcomes</i> 2. CÁC KẾT QUẢ TÍCH CỰC VỀ MẶT XÃ HỘI <i>Achieving positive social outcomes</i> 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CAM KẾT CỦA VIETCOMBANK VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG <i>Vietcombank's objectives and commitments towards sustainable development</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 15 19 22
3	KHUNG TRÁI PHIẾU XANH CỦA VIETCOMBANK <i>Vietcombank's Green Bond Framework</i>	28
	<ul style="list-style-type: none"> 1. XÂY DỰNG KHUNG TRÁI PHIẾU XANH <i>Development of Green Bond Framework</i> 2. SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU <i>Use of Proceeds</i> 3. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, LỰA CHỌN DỰ ÁN <i>Project evaluation and selection process</i> 4. QUẢN LÝ NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH <i>Management of Proceeds</i> 5. BÁO CÁO <i>Reporting</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 29 31 33 35 37
4	ĐÁNH GIÁ BÊN NGOÀI <i>External review</i>	39
5	PHỤ LỤC <i>Appendix</i>	41
	<ul style="list-style-type: none"> Phụ lục 01. Các dự án đủ điều kiện <i>Appendix 01. Eligibility project criteria</i> Phụ lục 02. Các tiêu chí loại trừ <i>Appendix 02. Exclusionary criteria</i> Phụ lục 03. Chỉ số tác động môi trường tiềm năng <i>Appendix 03. Potential impact indicators</i> 	<ul style="list-style-type: none"> 42 66 69

PHẦN

1
PART

GIỚI THIỆU
Introduction


1. BỐI CẢNH

Context



Năm 2021, tại Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 26 (COP26), lần đầu tiên các nhà lãnh đạo thế giới đã cùng đồng thuận cam kết, đánh dấu sự chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế từ năng lượng hóa thạch sang phát triển ít phát thải, hướng tới phát thải ròng bằng “0”.

Cũng tại COP26, lần đầu tiên Chính phủ Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ về vấn đề biến đổi khí hậu, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Đây được đánh giá là một cột mốc lịch sử của Việt Nam trong vấn đề nhận thức và thúc đẩy phát triển bền vững. Những cam kết tại COP26 sẽ là tiền đề để chính phủ Việt Nam xây dựng chiến lược, kế hoạch và định hướng phát triển cho các lĩnh vực, ngành nghề trong thời gian tới.

In 2021, at the 26th session of the Conference of the Parties (COP26), for the first time, world leaders agreed to commit to a common goal, marking the transition of economic development model from fossil-energy based to low-emission development, towards Net Zero emissions.

At COP26, for the first time, the Vietnamese government made a strong commitment on climate issues,

to make Vietnam a country with Net Zero emissions by 2050. This commitment is considered a historical milestone of Vietnam in understanding and promoting sustainable development. The commitments at COP26 will be the premise for the Vietnamese government to develop strategies, plans and development orientations for all fields and industries in the coming time.

Tại COP26, lần đầu tiên Chính phủ Việt Nam đã đưa ra cam kết mạnh mẽ về vấn đề biến đổi khí hậu, đưa Việt Nam trở thành quốc gia có phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

At COP26, for the first time, the Vietnamese government made a strong commitment on climate issues, to make Vietnam a country with Net Zero emissions by 2050.

Vietcombank tin rằng với quy mô, tầm ảnh hưởng và cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề về ESG, chúng tôi sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình giải quyết các thách thức cấp bách về môi trường và xã hội của thời đại, thúc đẩy bền vững và xây dựng đất nước Việt Nam.

Vietcombank believes with its scale, influence, and comprehensive approach to ESG issues, we will contribute to advance solutions for urgent environmental and social challenges of our time, promoting sustainability, and building a prosperous Vietnam.



Tiếp nối cam kết tại COP26, tại COP28, Việt Nam có 03 hoạt động chính. Đó là Hội nghị thượng đỉnh Nhóm G77 về biến đổi khí hậu, Tọa đàm về “Đẩy nhanh chuyển đổi điện than”, công bố Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và thực thi đề án 1 triệu hecta lúa năng suất cao, phát thải thấp.

Trong lĩnh vực ngân hàng, Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của NHNN chính thức có hiệu lực từ 1/6/2023. Khung pháp lý cho phát triển bền vững hệ thống ngân hàng tại Việt Nam theo đó cũng đang từng bước được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, tạo động lực cho toàn ngành Ngân hàng thực hành phát triển bền vững.

Bám sát định hướng của Đảng, Chính phủ và chỉ đạo của NHNN, Vietcombank luôn chú trọng yếu tố phát triển bền vững và xác định mục tiêu then chốt là trở thành ngân hàng dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG). Vietcombank tin rằng với quy mô, tầm ảnh hưởng và cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề về ESG, chúng tôi sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình giải quyết các thách thức cấp bách về môi trường và xã hội của thời đại, thúc đẩy bền vững và xây dựng đất nước Việt Nam thịnh vượng.

Following the target to achieve at COP26, at COP28, Vietnam had 03 main activities: joining the Group of 77 (G77) summit on climate change, the Discussion on “Accelerating coal power conversion”, the launch of the Resource Mobilization Plan to implement the Political Declaration on establishing the Just Energy Transition Partnership (JETP) and the launch of One-Million Hectares of High Quality and Low-Carbon Rice Project.



In banking, the State Bank of Vietnam's (SBV) Circular guiding the implementation of environmental risk management in credit activities of credit institutions and foreign bank branches has been officially effective from June 1st, 2023. The legal framework for sustainable development of the banking system in Vietnam has gradually formed and improved as a motivation for the banking sector to promote sustainable development.

Adhering closely to the direction of the Communist Party, the Government, and the State Bank, Vietcombank consistently prioritizes sustainable development and sets the key objective of becoming the leading bank in environmental, social, and governance (ESG) management. Vietcombank believes with its scale, influence, and holistic approach to ESG issues, we will contribute to the progress of addressing the urgent environmental and social challenges of our time, promoting sustainability, and building a prosperous Vietnam.

2. GIỚI THIỆU VỀ VIETCOMBANK

Vietcombank's introduction

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trước đây, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/1963 với tổ chức tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương (thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam).

Sau hơn nửa thập kỷ hoạt động, Vietcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất, đóng góp quan trọng cho sự thịnh vượng chung của Việt Nam.

The JSC Bank for Foreign Trade of Vietnam, formerly known as Bank for Foreign trade of Vietnam, was established on April 01st, 1963 from the Foreign Exchange Bureau (of the State Bank of Vietnam).

With a history spanning over half a century in the market, Vietcombank has established itself as one of largest commercial banks, contributing to the prosperity of Vietnam.

Trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên có lợi nhuận đạt mốc **1 tỷ USD**

Ngày 12/11/2019, Ký kết hợp đồng phân phối bảo hiểm với Công ty bảo hiểm FWD có giá trị lớn nhất trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tính đến thời điểm ký kết.

Vietcombank became the first Vietnamese bank to achieve a milestone of 1 billion USD profit.

On November 12th 2019, Vietcombank signed a distribution agreement with FWD Insurance Company, the largest value in terms of life insurance at the time of signing.

Từ 2020 - nay, Vietcombank khẳng định vững chắc vị trí số 1 Việt Nam trên nhiều phương diện, thuộc danh sách 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu theo Reuter.

Since 2020, Vietcombank has solidified its position as the number one bank in Vietnam across multiple fronts and in the list of 100 largest listed banks globally by market capitalization according to Reuters.



Tháng 3/2023, kỷ niệm 60 năm thành lập Vietcombank đã vinh dự được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

In March 2023, commemorating its 60th anniversary, Vietcombank was awarded the prestigious title of Hero of Labor.

1963

Ngày 1/4/1963, Chính thức đi vào hoạt động

(được thành lập theo Nghị định số 115/CP ngày 30/10/1962 của Chính phủ).

On April 1st 1963, Officially established

(According to Decree No. 115/CP dated October 30th, 1962 of the Government).

2009

30/06/2009, Cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán: VCB) chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE).

On June 30th 2009, Vietcombank's shares (stock code: VCB) were officially listed and traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE).

2011

30/09/2011, Ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho, Nhật Bản.

On September 30th 2011, Vietcombank signed a strategic shareholders agreement with Mizuho Bank Ltd., a part of the Mizuho Financial Group, Japan.

2019

2020 đến nay

2023



	Fitch	Moody's	S&P
Xếp hạng Rating	BB+	Ba2	BB
Triển vọng Outlook	Ổn định Stable	Ổn định Stable	Ổn định Stable

Năm 2023, Vietcombank được 03 tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế uy tín nhất thế giới gồm S&P, Fitch Ratings, Moody's xếp hạng ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

Bằng trí tuệ và tâm huyết, các thế hệ cán bộ Vietcombank đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để xây dựng Vietcombank phát triển ngày một bền vững, với định hướng đến năm 2030 là giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

In 2023, Vietcombank holds the highest credit ratings from S&P, Fitch Ratings, and Moody's, the most prestigious international credit rating agencies, among commercial banks in Vietnam.

Through intellectual acumen and dedication, successive generations of Vietcombank's officials have steadfastly endeavored to foster

the sustained development of Vietcombank. Looking ahead to 2030, we target to uphold Vietcombank's standing as Vietnam's leading bank, to ascend to the world's top 200 largest financial institutions, to feature prominently among the globe's 700 largest publicly listed enterprises and making substantial contributions to Vietnam's sustainable development.

PHẦN
2
PART

ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC CỦA VIETCOMBANK ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Positive Contributions of Vietcombank to Sustainable Development





Trên hành trình phát triển bền vững, Vietcombank đã chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, góp phần ổn định tình hình, giữ vững an ninh tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, củng cố niềm tin của nhân dân. Vietcombank cũng là ngân hàng tiên phong trong thực hiện chủ trương cơ cấu lại các khoản vay, miễn, giảm lãi, phí hỗ trợ khách hàng; chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội; đồng thời thúc đẩy tín dụng xanh, hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng.

Có mặt trong Top 20 cổ phiếu có chỉ số phát triển bền vững (VNSI) tốt nhất năm 2023 và năm 2024 là sự ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Vietcombank trong các cam kết góp sức cùng Chính phủ Việt Nam thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm và kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng.

On the journey towards sustainable development, Vietcombank has proactively and actively participated in supporting and managing weak credit institutions, contributing to stabilizing the financial and banking sector and reinforcing public trust. Vietcombank has also been a pioneer in restructuring loans, waiving and reducing interest rates and fees to support customers; placing significant emphasis on implementing social welfare policies and promoting green credit, aiming to become a green and

sustainable development bank for the community.

Being awarded Top 20 of Vietnam Sustainability Index (VNSI) in 2023 and 2024 is the recognition of Vietcombank's continuous efforts and commitment to supporting the Vietnamese government in implementing sustainable development strategies, emphasizing transparency, responsibility, and creating shared value for the community.

1. CÁC KẾT QUẢ TÍCH CỰC VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Achieving positive environmental outcomes

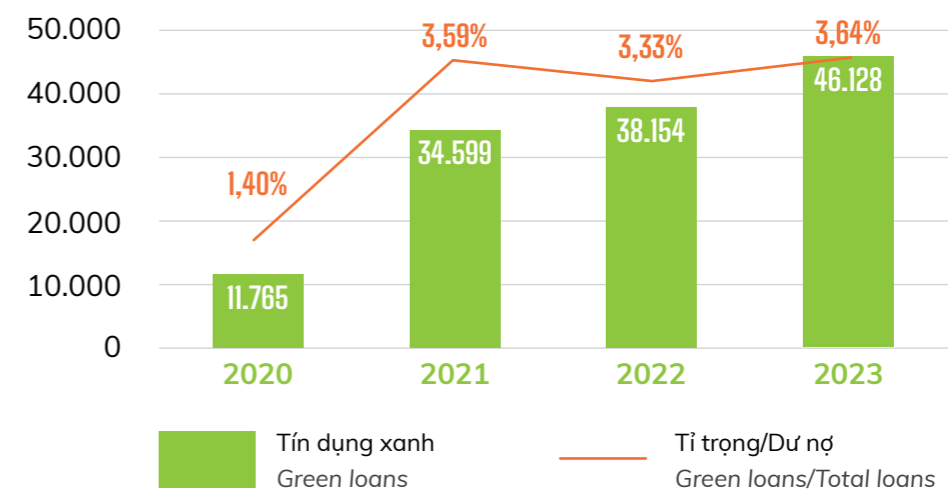
Nhận thức được vai trò của ngành Ngân hàng là kênh dẫn vốn quan trọng, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần thực hiện hóa các cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam tại COP 26, Vietcombank luôn chú trọng ưu tiên dành nguồn vốn vào các dự án thân thiện với môi trường.

Recognizing the role of the banking sector as a key capital channel, supporting economic growth, contributing to the realization of the strong commitments by the Vietnamese government at COP26, Vietcombank prioritizes allocating capital to environmentally friendly projects.

- Ưu tiên đặc biệt cho tín dụng xanh¹:** Trong giai đoạn từ 2020-2023, tổng dư nợ tín dụng xanh của Vietcombank **tăng trưởng trung bình 3,9 lần qua các năm**, từ hơn 11.765 tỷ VND năm 2020 lên đến **46.100 tỷ VND** tại thời điểm 31/12/2023. Vietcombank sẽ tiếp tục ưu tiên dành nguồn lực cho tín dụng xanh trong thời gian tới, khẳng định vai trò ngân hàng dẫn đầu về phát triển bền vững.

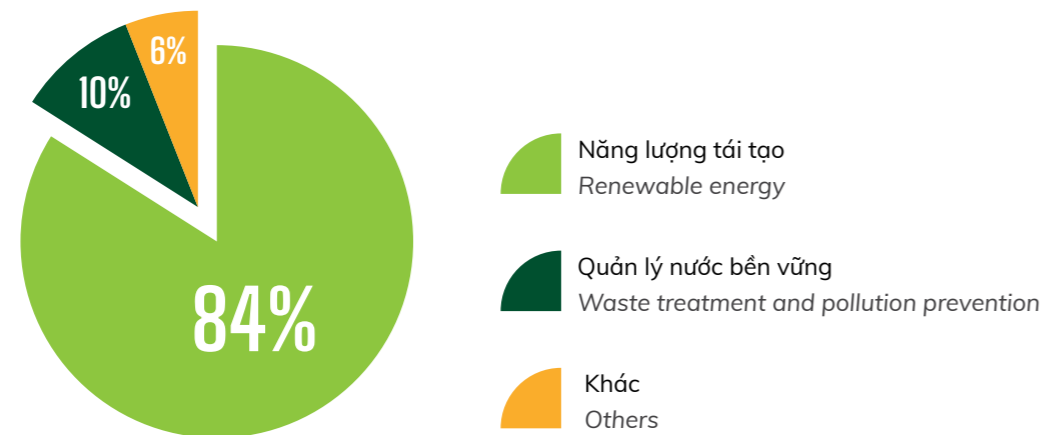
- Special priority for green loans²:** from 2020 to 2023, Vietcombank's total green credit outstanding balance **grew by 3.9 times**, increasing from over VND 11,765 billion in 2020 to **VND 46,100 billion** as of 31 December 2023. Vietcombank will continue to prioritize allocating capital for green credits in the coming time, reaffirming our role as a leading bank in sustainable development.

Tín dụng xanh (Tỷ VND)
Green Loans (Billion VND)



1. Phân loại ngành, lĩnh vực xanh theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Clasificaiton of green sectors according to the guilines of the State Bank of Vietnam.

Cơ cấu tín dụng xanh Green loans portfolio



Trong nhiều năm, Vietcombank luôn đóng vai trò là kênh tài trợ vốn chủ lực cho các ngành kinh tế mũi nhọn. Vietcombank đã được Bộ Tài chính tin tưởng giao phục vụ trên **300 dự án vay vốn ODA với tổng trị giá quy USD là gần 30 tỷ USD**, bao gồm các dự án trọng điểm là động lực phát triển kinh tế xã hội của đất nước, trong mọi lĩnh vực như hạ tầng cơ sở, giao thông, y tế, nông nghiệp...

Về các chương trình được tài trợ từ nguồn vốn xanh, trong năm 2023, Vietcombank đã tích cực triển khai chương trình cho vay lại các dự án xanh từ nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) – 500 triệu USD tài trợ cho các dự án xanh, năng lượng tái tạo nhằm bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Vietcombank đã tích cực đồng hành cùng Bộ Tài chính qua vai trò là người vay lại của Bộ Tài chính đối với 02 dự án năng lượng xanh: **Dự án phát triển năng lượng tái tạo vay vốn Ngân hàng thế giới - WB (200 triệu USD) và dự án Tiết kiệm năng lượng ngành công nghiệp vay vốn WB (50 triệu USD)**. Cả hai dự án Vietcombank tham gia đều đóng góp hiệu quả cao cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.

For years, Vietcombank has played a key role in providing funding to key economic sectors. Vietcombank has been trusted by the Ministry of Finance to provide services to **over 300 ODA-funded loan projects with a total value of nearly \$ 30 billion**, including important projects that are the driving force for the country's socio-economic development in infrastructure, transportation, healthcare, agriculture, etc.

Apart from focusing on green credit, in 2023, Vietcombank actively implemented a re-lending program for green projects from the loan by Japan Bank for International Cooperation (JBIC) up to USD 500 million to finance green and renewable energy projects for environmental protection.

In addition, Vietcombank has worked with the Ministry of Finance to be the re-borrower of the Ministry of Finance for 02 green energy projects: **The renewable energy development project funded by World Bank - WB (USD 200 million) and WB-funded industrial energy-efficiency project (USD 50 million)**. Both projects have made highly effective contributions to Vietnam's sustainable development.



- Với vai trò dẫn dắt thị trường của một ngân hàng chủ đạo và trách nhiệm xã hội của một thương hiệu lớn, Vietcombank đã chủ động triển khai các chương trình miễn giảm lãi để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất. **Trong năm 2023, Vietcombank đã giảm ~5.800 tỷ đồng tiền lãi cho gần 290.000 khách hàng với quy mô dư nợ vay lên tới hơn 1,1 triệu tỷ đồng.**
- Một số chương trình giảm lãi suất tiêu biểu như: (i) giảm lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên, (ii) chính sách hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước theo Nghị định 31 (iii) chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết 33; (iv) Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản...

Trong năm 2023, Vietcombank đã bổ sung quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng vào Chính sách quản lý rủi ro tín dụng, thể hiện định hướng, mục tiêu của Ngân hàng đối với phát triển bền vững.

- As a leading bank in Vietnam and given the social responsibility of a major brand, Vietcombank has proactively implemented several programs of waiving and reducing borrowing rate for individuals and enterprises to overcome difficulties, stabilize their living and production recovery. **Throughout 2023, Vietcombank reduced interest rates by ~ VND 5,800 billion for nearly 290,000 customers with outstanding credit balance of more than VND 1.1 quadrillion.**
- A number of notable interest rate reduction programs include: (i) reduction of interest rates for prioritized areas, (ii) interest rate support policies from the state budget in pursuant to Decree 31 (iii) lending programs for the development of social housing, housing for workers, renovation and reconstruction of old apartment buildings relating to Resolution 33; (iv) Lending programs for the forestry and fishery sectors, etc.

In 2023, Vietcombank established internal regulation on environmental risk management in credit activities into our Credit Risk Management Policy, reflecting the Bank's direction and objectives regarding sustainability.

2. CÁC KẾT QUẢ TÍCH CỰC VỀ MẶT XÃ HỘI

Achieving positive social outcomes

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa, được triển khai trên quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Trong giai đoạn 2019 - 2023, Vietcombank dành hơn 1.936 tỷ đồng cho hoạt động an sinh xã hội, trong đó năm 2023 là hơn 309 tỷ đồng, cụ thể:

- i Hoạt động y tế, giáo dục, đầu tư phát triển cộng đồng chiếm ~50% tổng ngân sách:**
 - Triển khai chương trình “Vietcombank chung tay vì người nghèo” 2023 và tặng sổ BHXH, thẻ BHYT cho người có hoàn cảnh khó khăn: hơn 18 tỷ đồng;
 - Tài trợ kinh phí xây dựng Trạm y tế xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa: 12 tỷ đồng;
 - Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học B thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu: 10 tỷ đồng;
 - Tài trợ xây dựng trạm y tế xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ; tỉnh Hải Dương: 5 tỷ đồng;
 - Tài trợ kinh phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, số tiền: 5 tỷ đồng...

With the goal towards a green and sustainable development bank for the community, Vietcombank has continuously enhanced our social welfare activities with practical and meaningful programs on a large scale, contributing to the development of the community and society.

During the period from 2019 to 2023, Vietcombank allocated over 1,936 billion VND for social welfare activities, including more than 309 billion VND in 2023 as followed:

- i Health, education, and community development account for ~50% of total budget:**
 - Implementing the program “Vietcombank joins hands for the poor” 2023 and donating social insurance books and health insurance cards to people in difficult circumstances with total value over VND 18 billion;
 - Sponsored VND 12 billion for the construction of medical station in Thuan Loc commune, Hau Loc district, Thanh Hoa province;
 - Sponsored VND 10 billion for the construction of Primary School B in Phuoc Long town, Phuoc Long district, Bac Lieu province;
 - Sponsored VND 5 billion for the construction of a medical station in An Thanh commune, Tu Ky district; Hai Duong Province;
 - Sponsored VND 5 billion for investment, repair and upgrading of An Tin Secondary School, Hoai An district, Binh Dinh province, amount, etc.





ii Hoạt động an sinh xã hội và thiện nguyện chiếm ~40% tổng ngân sách:

- Tài trợ 200 căn nhà ở cho hộ nghèo tại tỉnh Sóc Trăng, số tiền: 10 tỷ đồng;
- Hỗ trợ chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo tại 27 xã biên giới đất liền tỉnh Nghệ An: 10 tỷ đồng;
- Tài trợ kinh phí xây dựng 100 ngôi nhà cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: 8 tỷ đồng;
- Tài trợ kinh phí xây dựng 100 căn nhà ở cho người nghèo tại địa bàn xã Giang Ly, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa: 8 tỷ đồng.

iii Hoạt động khác chiếm ~10% tổng ngân sách.

ii Social welfare and charity activities account for ~40% of total budget:

- Funding the construction of 200 houses for poor households in Soc Trang province, worth VND 10 billion;
- Sponsored the housing construction program for the poor in 27 border communes in Nghe An province worth VND 10 billion;
- Funding the construction of 100 houses for poor households in Hung Yen province worth VND 8 billion;
- Funding the construction of 100 houses for the poor in Giang Ly commune, Khanh Vinh district, Khanh Hoa province worth VND 8 billion.

iii Other activities account for ~10% of total budget.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Vietcombank, Công đoàn Vietcombank đã phát động triển khai chương trình “Vietcombank - Vì một Việt Nam xanh” và trồng 60.000 cây xanh tại các tỉnh/thành phố trên cả nước. Chương trình nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể đoàn viên, người lao động và sự quan tâm của xã hội góp phần lan tỏa giá trị nhân văn của Vietcombank.

Celebrating the 60th anniversary, Vietcombank Trade Union had launched the program “Vietcombank - For a green Vietnam” and planted 60,000 trees in different provinces/cities across the country. The program has positive feedback from all union members, employees, and drew public attention, helps spreading the humanistic culture of Vietcombank.



3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CAM KẾT CỦA VIETCOMBANK VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vietcombank's objectives and commitments towards sustainable development



Với định hướng đến năm 2030 giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam, Vietcombank đặt mục tiêu dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG) thông qua Hệ thống Quản lý Môi trường Xã hội (ESMS) và Hệ thống Quản lý rủi ro Môi trường Xã hội theo định hướng các Chỉ số Phát triển bền vững tại Việt Nam của Bộ tiêu chuẩn VNSI, từng bước hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững về ESG theo các chuẩn mực quốc tế GRI, TCFD.

To maintain No.1 financial group in Vietnam by 2030, top 200 largest financial groups in the world, and top 700 largest listed companies in the world, while making great contribution to Vietnam's sustainable development, Vietcombank aims to be a leader in environmental, social and governance (ESG) through the Environmental and Social Management System (ESMS) and the Environmental and Social Risk Management System in line with the Sustainable Development Indicators of Vietnam according to VNSI Standards, step by step towards the Sustainable Development Goals on ESG according to international standards by GRI, TCFD.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh các Nhà lãnh đạo thế giới tại COP28 vào ngày 1/12/2023, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã công bố Kế hoạch Huy động nguồn lực (RMP), đánh dấu cột mốc quan trọng hướng tới việc thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (Just Energy Transition Partnership: JETP). Với RMP, Vietcombank sẽ làm việc cụ thể với các đối tác thuộc GFANZ - Glasgow Financial Alliance for Net Zero (Liên minh các tổ chức tài chính lớn nhất trên thế giới về giảm phát thải) để triển khai các sản phẩm tài chính xanh. Vietcombank sẽ là ngân hàng hàng đầu, triển khai tích cực chương trình JETP của Chính phủ.

Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cũng đề cao yếu tố phát triển bền vững với mục tiêu Vietcombank trở thành ngân hàng xanh dẫn đầu về ESG với các hành động cụ thể sau:

At the World Leaders Summit at COP28 on December 1, 2023, Prime Minister Phạm Minh Chính announced the Resource Mobilization Plan (RMP) marking a significant milestone towards implementing the agreement to implement the Political Declaration on establishing the Just Energy Transition Partnership (JETP). With the RMP, Vietcombank will collaborate closely with partners within GFANZ (Glasgow Financial Alliance for Net Zero), the world's largest coalition of financial institutions committed to reducing emissions, to roll out green financial products. Vietcombank will be a leading bank in implementing the Government's JETP program.

Vietcombank's strategic development to 2025, vision to 2030 prioritizes sustainable development, aiming to establish Vietcombank as a leader in ESG with the following specific actions:

3.1

Xây dựng sản phẩm, dịch vụ hướng đến lợi ích về môi trường, cộng đồng và xã hội:

Develop products and services aimed at benefiting the environment, community and society:

- Tích cực tìm kiếm các cơ hội tăng trưởng và xem xét danh mục đầu tư thông qua các sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào các dự án hoặc doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, cơ sở hạ tầng xanh, cộng đồng khởi nghiệp, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon để góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng.
- Actively find growth opportunities and review the investment portfolio through borrowing and lending products for projects or companies investing in renewable energy, clean energy, green infrastructure, low-carbon production and consumption sectors to contribute to environmental protection, enhancing resource and energy efficiency.

- Tăng cường cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) sử dụng nhiều lao động trên địa bàn nông thôn, doanh nghiệp hoạt động theo mô hình kinh doanh với người nghèo, tạo sinh kế, nâng cao mức sống cho người nông dân, đồng bào vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ cộng đồng khởi nghiệp.
- Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động cốt lõi của ngân hàng để mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo an ninh mạng và bảo mật dữ liệu của tổ chức.

- Increase lending to small and medium-sized enterprises (SMEs) that are labor-intensive in rural areas, inclusive businesses, creating livelihoods and improving living standards for farmers and people in remote areas, and supporting start-up community.
- Promote the application of technological advancements and digital transformation in the bank's core activities to provide the best customer experience, enhance operational efficiency, and ensure cybersecurity and data protection.



3.2

Đảm bảo tính bền vững trong quản trị doanh nghiệp

Ensuring sustainability in governance

Không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp cho cán bộ nhân viên; đảm bảo chính sách phúc lợi cho người lao động; tiếp tục củng cố và xây dựng văn hoá doanh nghiệp bền vững.

Continuously improve the quality of human resources, develop appropriate training programs for employees, ensure welfare policies for workers and continue to strengthen and build a sustainable corporate culture.



3.3

Tăng cường tính minh bạch thông qua hệ thống báo cáo, công bố thông tin

Enhancing transparency through reporting and disclosure

Xây dựng các báo cáo về phát triển bền vững với các thông tin minh bạch cho các nhà đầu tư; đảm bảo tính minh bạch trong các cam kết về môi trường, xã hội và quản trị; đảm bảo hiệu quả hoạt động và chất lượng thông tin của Ngân hàng.

Develop sustainability reports with transparent information for investors, ensure transparency in environmental, social, and governance commitments, and maintain the bank's operational efficiency and information quality.

Định hướng phát triển bền vững của Vietcombank đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan của Việt Nam và tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc như sau:

Vietcombank's vision for sustainability is strategically aligned with Vietnam Government's commitments to the Sustainable Development Goals of the United Nations as below:

3.4

Phù hợp với mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc

Alignment with UN SDGs



Mục tiêu 1. Xóa nghèo

Goal 1. No poverty



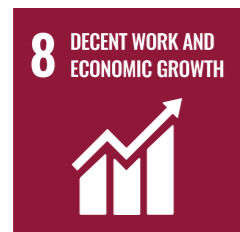
Mục tiêu 6. Nước sạch và vệ sinh

Goal 6. Clean Water and Sanitation



Mục tiêu 7. Năng lượng sạch và giá thành hợp lý

Goal 7. Affordable and Clean energy



Mục tiêu 8. Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế

Goal 8. Decent work and Economic growth



Mục tiêu 9. Công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng

Goal 9. Industry, Innovation and Infrastructure



Mục tiêu 10. Giảm bất bình đẳng

Goal 10. Reduced Inequalities



Mục tiêu 11. Các thành phố và cộng đồng bền vững

Goal 11. Sustainable Cities and Communities



Mục tiêu 12. Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm

Goal 12. Responsible Consumption and Production



Mục tiêu 13. Hành động về khí hậu

Goal 13. Climate Action



Mục tiêu 14. Tài nguyên và môi trường biển

Goal 14. Life below Water



Mục tiêu 15. Tài nguyên và môi trường trên đất liền

Goal 15. Life on Land

P H Ầ N
3
PART

KHUNG TRÁI PHIẾU XANH CỦA VIETCOMBANK

Vietcombank's Green Bond Framework



1. XÂY DỰNG KHUNG TRÁI PHIẾU XANH

Development of Green Bond Framework

Xây dựng Khung Trái phiếu xanh là hành động thiết thực nhằm hiện thực hóa cam kết mạnh mẽ của Vietcombank về phát triển bền vững, ưu tiên tăng trưởng tín dụng xanh đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 của Việt Nam vào năm 2050.

Khung Trái phiếu xanh của Vietcombank tuân thủ pháp luật Việt Nam cũng như tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

Khung Trái phiếu xanh được xây dựng cho thấy định hướng của Vietcombank đối với các giao dịch tài chính xanh. Nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh được Vietcombank dùng để tài trợ các dự án có tác động tích cực tới môi trường theo đúng định hướng của Vietcombank (sau đây gọi là Dự Án Đủ Điều Kiện). Các Dự Án Đủ Điều Kiện được xác định theo nguyên tắc tại Khung Trái phiếu xanh này.

Developing the Green Bond Framework (Framework) is a practical activity to fulfil Vietcombank strong commitment to sustainable outcomes, prioritizing green loans and contributing to Vietnam's goal of net-zero emissions ("Net Zero") by 2050.

Vietcombank's Framework complies with Vietnam's laws and aligns with the United Nations's sustainable development goals (SDGs).

The Vietcombank's Framework has been developed to demonstrate Vietcombank's orientation towards green financing transactions. Proceeds are earmarked and used to finance projects that will deliver positive environmental outcomes and support Vietcombank's strategy (Eligible Projects). Eligible Projects are defined according to principles under this Green Bond Framework.



Trái phiếu được phát hành theo Khung Trái phiếu xanh này tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam đồng thời tự nguyện tuân thủ theo Nguyên tắc Trái phiếu xanh của Hiệp Hội Thị Trường Vốn Quốc Tế (ICMA) năm 2021 (phiên bản bổ sung Phụ lục 1 vào tháng 6 năm 2022) hoặc các phiên bản cập nhật khi có sự thay đổi.

Khung Trái phiếu xanh sẽ được Vietcombank cập nhật thường xuyên theo sự phát triển của các nguyên tắc/tiêu chuẩn của Trái phiếu xanh trong nước và quốc tế để đảm bảo thích ứng với thông lệ thị trường. Bất kỳ cập nhật nào về Khung Trái phiếu xanh sẽ được Vietcombank công bố trên trang thông tin điện tử.

Khung Trái phiếu xanh hướng dẫn 04 trụ cột chính, bao gồm:

- i** Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu;
- ii** Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án;
- iii** Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu;
- iv** Báo cáo.

Bonds issued under this Framework complies with and will be aligned, as appropriate for the type of bond issued, with Vietnamese laws and the International Capital Market Association (ICMA) Green Bond Principles (GBP), 2021 (with June 2022 Appendix 1) or as they may be subsequently amended.

As market standards for green bonds continue to develop, Vietcombank may update the Framework to ensure adherence to the market best practices. Any updates relating to the Green Bond Framework will be made available on our website.

This Framework provides guideline with four core components, as follow:

- i** Use of proceeds;
- ii** Project evaluation and selection;
- iii** Management of proceeds;
- iv** Reporting.



Các Các Dự Án Đủ Điều Kiện tuân thủ các quy định của Nguyên tắc Trái phiếu xanh hiện hành của Hiệp hội Thị trường vốn Thế giới (ICMA), pháp luật của Việt Nam và tương thích với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc.

Để tránh nhầm lẫn, trong bất kỳ trường hợp nào, nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh sẽ không được giải ngân vào các dự án với các tiêu chí loại trừ được cụ thể tại Phụ lục 02 tại Khung Trái phiếu xanh này.

Mức độ ưu tiên giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh như sau:

Vietcombank sẽ phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh để tài trợ vốn cho các Dự Án Đủ Điều Kiện đó trong vòng 24 tháng kể từ ngày phát hành trái phiếu với các thứ tự ưu tiên sau đây:

- **Ưu tiên 1:** Đối với Các Dự Án Đủ Điều Kiện, mới phát sinh tại thời điểm phát hành trái phiếu và chưa được giải ngân, Vietcombank sẽ ưu tiên giải ngân từ nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh.
- **Ưu tiên 2:** Đối với các Dự Án Đủ Điều Kiện, đã được giải ngân một phần, Vietcombank sẽ phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh để tài trợ số tiền chưa giải ngân.

The Eligible Projects comply with ICMA's Green Bond Principles (updated version), Vietnamese laws and align with the United Nation's sustainable development goals.

For the avoidance of doubt, in any case, the proceeds will not be used for exclusionary criteria defined in the Appendix 2 of this Framework.

Priority for disbursement of Proceeds as follows:

Vietcombank will allocate the Proceeds to finance Eligible Projects within 24 months from the bond issuance date, following these priority orders:

- **Priority 1:** Vietcombank will prioritize disbursement of Proceeds for Eligible Projects that newly initiated at the time of bond issuance and not yet disbursed.
- **Priority 2:** For Eligible Projects that have been partially disbursed, Vietcombank will allocate Proceeds to finance the undisbursed amount.

2. SỬ DỤNG NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Use of Proceeds

Vietcombank sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh theo Khung Trái phiếu xanh này để tài trợ một phần hoặc toàn bộ các dự án xanh, thuộc các lĩnh vực/ngành nghề đáp ứng danh mục Các Dự Án Đủ Điều Kiện theo quy định tại Phụ lục 01 Khung Trái phiếu xanh này.

Vietcombank will use the proceeds of Green Bonds under this Framework to finance green projects, in part or in full, that fall under Eligible Projects, in each case as determined by Vietcombank in accordance with the criteria defined in the Appendix 1 of this Framework.

3. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, LỰA CHỌN DỰ ÁN

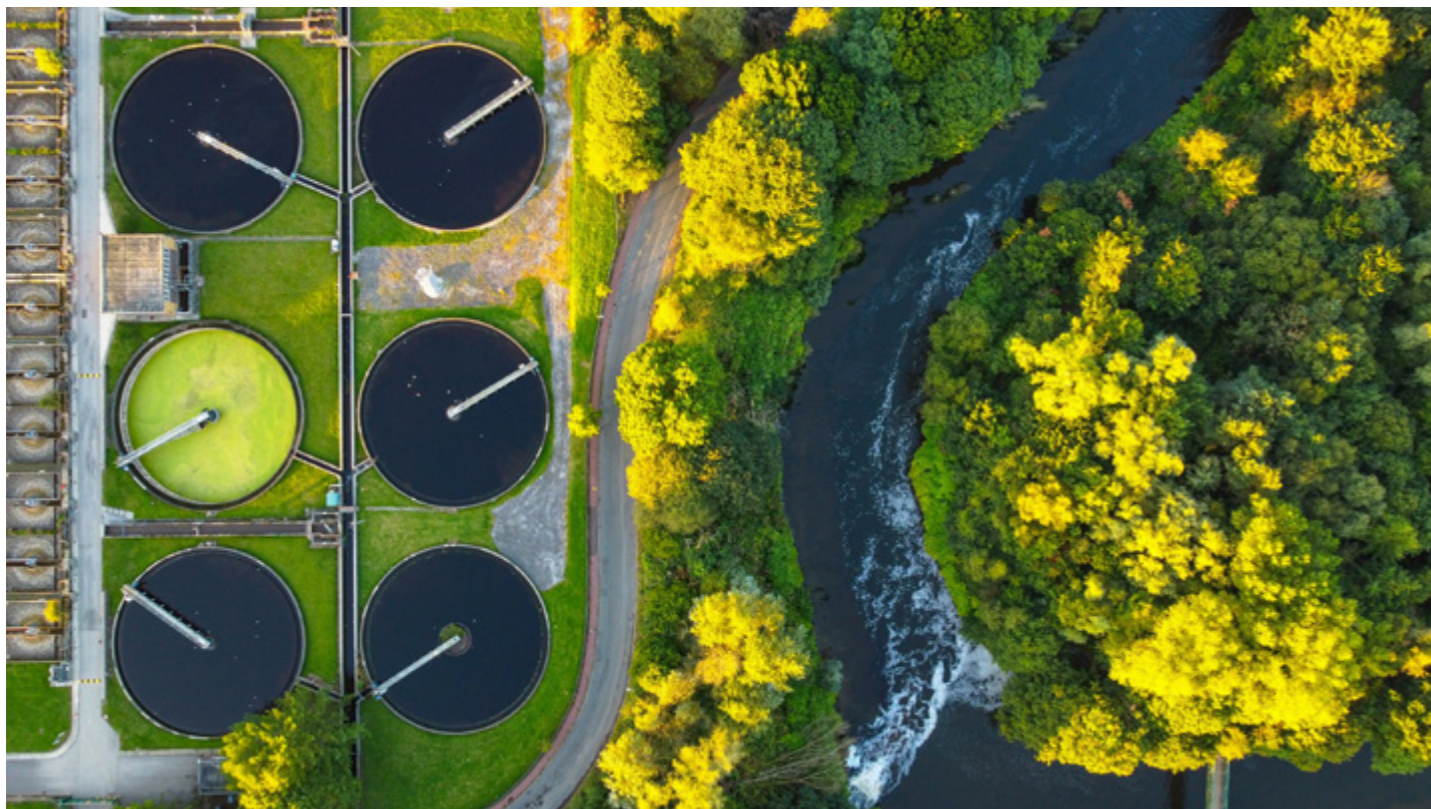
Project evaluation and selection process

Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án xanh được xây dựng nhằm đảm bảo nguồn tiền thu được từ phát hành Trái phiếu xanh của Vietcombank được sử dụng để tài trợ cho Các Dự Án Đủ Điều Kiện tại Phụ lục 01 đồng thời không thuộc các tiêu chí loại trừ tại Phụ lục 02 Khung Trái phiếu xanh này.

Quy trình đánh giá lựa chọn, dự án xanh được thực hiện đồng thời, tích hợp cùng với quy trình cấp tín dụng của Vietcombank. Vietcombank tuân thủ chặt chẽ quy trình thẩm định cấp tín dụng, hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

The project evaluation and selection process will ensure that the proceeds raised from green bonds are earmarked for financing projects that meet the Eligibility Project criteria set out in Appendix 1 and simultaneously not fall under the exclusionary criteria set out in of Appendix 2 of this Framework.

This process is conducted simultaneously, integrated with Vietcombank's credit approval process. Vietcombank strictly adheres to the credit appraisal process, the regulations on environmental risk management in credit activities and Vietnamese law.



Căn cứ vào đánh giá tác động môi trường, Vietcombank yêu cầu khách hàng xây dựng các biện pháp và kế hoạch cần thiết để hạn chế, ngăn ngừa tác động tiêu cực đến môi trường hoặc cam kết tuân thủ các biện pháp đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.

Kết quả đánh giá rủi ro môi trường được ghi nhận tại báo cáo thẩm định tín dụng theo quy trình tín dụng của Vietcombank.

Danh mục Các Dự Án Đủ Điều Kiện được Vietcombank xây dựng chi tiết và khoa học, tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn được công nhận rộng rãi như tiêu chuẩn của Tổ chức sáng kiến Trái phiếu khí hậu, tiêu chuẩn Trái phiếu xanh của Châu Âu... và có tính đến các yếu tố rủi ro môi trường, xã hội.

Quy trình quy định cụ thể các cá nhân, bộ phận có liên quan đến ESG tại Vietcombank tham gia vào quá trình đánh giá, lựa chọn Các Dự Án Đủ Điều Kiện bao gồm tối thiểu đại diện từ: Bộ phận khách hàng, Bộ phận quản lý tài sản nợ - tài sản có, Khối Ngân hàng Bán Buôn.

Bất kỳ dự án nào được coi là Dự Án Đủ Điều Kiện theo Khung Trái phiếu xanh này sẽ được xem xét giải ngân bằng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh.

Cấp thẩm quyền tại Trụ sở chính (Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc/Phó Giám đốc các Ban Khách hàng Trụ Sở chính) sẽ thực hiện phê duyệt giá trị giải ngân bằng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh cho các Dự Án Đủ Điều Kiện.

Based on the environmental assessment, Vietcombank requires customers to have necessary measures and plans to mitigate and prevent negative impacts on the environment or to commit to complying with measures approved by regulatory authorities.

The results of the environmental risk management are recorded in the credit appraisal report.

The Eligible Projects are developed by Vietcombank in a detailed and systematic manner, in compliance with Vietnamese regulations, while also applying widely recognized international standards such as Climate Bonds Initiative Taxonomy, European Taxonomy, etc. It also considers environmental and social risk factors.

Vietcombank specifies the individuals and Departments possessing ESG knowledge to conduct the evaluation and selection process that will consist of, at a minimum, representatives from the Branch (Customer Relationship Department), Finance Division (Assets Liabilities Management Department), Wholesale Banking Division.

Any project deemed an Eligible Project in accordance with this Framework will be considered for disbursement for the use of proceeds under this Framework.

Authority (Deputy CEO or Director/ Deputy Director of Corporate Department at Head Office) will review and approval the value of disbursement for the use of proceeds under this Framework for financing Eligible Projects.

Các Dự Án Đủ Điều Kiện được sàng lọc và lựa chọn bởi Khối Bán buôn, theo quy trình sau:

Eligible Projects are screened and selected by Wholesale Banking Division with the basic sequence as below:



4. QUẢN LÝ NGUỒN VỐN THU ĐƯỢC TỪ PHÁT HÀNH

Management of Proceeds

Số tiền từ phát hành trái phiếu xanh được chuyển vào các tài khoản chung và được hạch toán, quản lý theo dõi riêng, giải ngân cho các dự án đáp ứng tiêu chí Các Dự Án Đủ Điều Kiện theo Khung Trái phiếu xanh. Các giao dịch phát hành trái phiếu xanh sẽ được gắn mã riêng theo quy định của Vietcombank từng thời kỳ và được quản lý thông qua phần mềm nội bộ của Vietcombank bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: tên Trái phiếu xanh, ngày phát hành, ngày đáo hạn, kỳ hạn, lãi suất,...

Các giao dịch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành Trái phiếu xanh để giải ngân cho các Dự Án Đủ Điều Kiện sẽ được gắn mã sản phẩm riêng biệt và được quản lý bởi hệ thống nội bộ của Vietcombank.

The Proceeds of each bond issuance will be deposited in general accounts and are recorded, managed separately, earmarked for disbursement to projects meet the criteria of Eligible Projects according to this Framework. The Green Bond issuance transactions will be assigned specific code according to Vietcombank's regulations time to time and will be managed by Vietcombank's internal system, including but not limited to the following information: name of the Green Bond, issuance date, maturity date, term, interest rate, etc.

Transactions using the Proceeds will be assigned a separate product code and managed by Vietcombank's internal system.



Vietcombank thực hiện theo dõi và quản lý dữ liệu về quá trình giải ngân số tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh cho các Dự Án Đủ Điều Kiện bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin về số tiền giải ngân, ngày giải ngân, lĩnh vực của dự án được giải ngân.

Vietcombank giải ngân nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh cho các Dự Án Đủ Điều Kiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu xanh.

Trong thời gian trái phiếu còn dư nợ, số dư của nguồn vốn thu được từ trái phiếu xanh đã giải ngân cho các Dự Án Đủ Điều Kiện được ghi nhận phải được điều chỉnh định kỳ để phù hợp với tình hình phân bổ vốn trong kỳ của Vietcombank cho các Dự Án Đủ Điều Kiện. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu nếu chưa được sử dụng sẽ tạm thời được giữ dưới dạng tiền mặt, hoặc tiền gửi tại các ngân hàng đại lý bao gồm Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và/hoặc các tổ chức tín dụng khác, hoặc các khoản tương đương tiền. Để làm rõ, việc quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh cho các Dự Án Đủ Điều Kiện được xác định theo số tiền thu được từ phát hành trái phiếu xanh, mà không bao gồm các khoản lãi/lỗ (nếu phát sinh) từ các hoạt động nêu trên.



Data on disbursement process of the Proceeds for Eligible Projects including but not limited to information on disbursed proceeds, disbursement date, disbursement sector.

Vietcombank will disburse Proceeds to Eligible Projects within a maximum of 24 months since the issuance date.

So long as the Green Bond is outstanding, the balance of the tracked net proceeds is periodically adjusted to match allocations to Eligible Projects made during that period. Pending the allocation of Proceeds, Vietcombank will temporarily invest the balance of unallocated Proceeds with an amount equal to the balance of the Proceeds in cash, or cash equivalents or deposited at correspondent banks including the State Bank of Vietnam and/ or other credit Institutions, or cash equivalent instruments. To clarify, the management of Proceeds for Eligible Projects will be based on The Proceeds and does not include gain/ loss (if any) from above activities.

5. BÁO CÁO Reporting

Định kỳ hàng năm, Vietcombank sẽ công bố thông tin các báo cáo liên quan đến Trái phiếu xanh phát hành theo Khung Trái phiếu xanh này đến khi trái phiếu xanh đáo hạn/được mua lại trước hạn, bao gồm những không giới hạn các nội dung sau:

Annually, Vietcombank will disclose reports related to the Green Bonds issued under this Framework until the maturity of green bond(s) or are redeemed before maturity, including but not limited to the following content:

5.1

Báo cáo phân bổ nguồn vốn Trái phiếu xanh (Báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu)

Allocation Reporting

Báo cáo phân bổ nguồn vốn từ Trái phiếu xanh bao gồm những thông tin sau:

- Các dự án được giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu xanh và mô tả ngắn gọn về các dự án;
- Số vốn được giải ngân;
- Tỷ lệ phân bổ vốn vào các dự án;
- Vốn chưa được giải ngân và cách xử lý (nếu chưa giải ngân hết vốn);
- Ý kiến của kiểm toán về việc phân bổ nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh phù hợp với Khung trái phiếu xanh của Vietcombank.

Allocation reporting will include the following information:

- A list of Eligible Projects that have been funded using the Proceeds and a brief description of each Eligible Project;
- The amount of the Proceeds allocated at the end of the reporting period;
- The capital allocation ratio for Eligible Projects;
- The amount of the Proceeds that have not yet been disbursed and management plan;
- The auditor's opinion on the allocation of the Proceeds, assurance Green Bonds remain in compliance with the Framework.



5.2 Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo tiến độ giải ngân, báo cáo tiến độ thực hiện dự án và đánh giá tác động môi trường)
Impact Reporting

Căn cứ vào tình hình thực tế, tính sẵn sàng của thông tin dữ liệu và thỏa thuận với khách hàng, Vietcombank sẽ cung cấp báo cáo định tính và/hoặc định lượng về các tác động môi trường và xã hội phát sinh từ Các Dự Án Đủ Điều Kiện. Báo cáo được xây dựng theo thông lệ tốt nhất và căn cứ theo các chỉ số được quy định tại Phụ lục 03 Khung Trái phiếu xanh này.

Khung Trái phiếu xanh này, các báo cáo và công bố thông tin về Trái phiếu xanh của Vietcombank sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Vietcombank: <https://www.vietcombank.com.vn>

Subject to the actual situation, availability of information and the Agreement signed with customers, Vietcombank will provide qualitative and/or quantitative reporting of the environmental and social impacts resulting from Eligible Projects. Vietcombank will base on reporting best practice and several indicators as set out in Appendix 3 of this Framework.

This Framework, all reports and information disclosure about Vietcombank's Green Bonds are published on Vietcombank's website at <https://www.vietcombank.com.vn>

P H Ầ N
PART 4 ĐÁNH GIÁ BÊN NGOÀI
— External review



Vietcombank chỉ định S&P Global là tổ chức bên ngoài độc lập và uy tín cung cấp dịch vụ đánh giá bên ngoài theo hình thức Ý kiến của bên thứ hai để đánh giá khách quan tính phù hợp và tương thích của Khung Trái phiếu xanh với nguyên tắc phát hành Trái phiếu xanh của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế ICMA phiên bản 2021 (phiên bản bổ sung Phụ lục 1 vào tháng 6 năm 2022).

Báo cáo đánh giá độc lập Ý kiến của bên thứ hai sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Vietcombank: <https://www.vietcombank.com.vn>

Vietcombank has engaged S&P Global to provide an external review in the form of a Second Party Opinion on the Framework and confirm alignment with the Green Bond Principles of the International Capital Market Association (ICMA) 2021 (with June 2022 Appendix 1).

The Second Party Opinion will be made publicly available on Vietcombank website at: <https://www.vietcombank.com.vn>





PHẦN
PART
5
PHỤ LỤC
Appendix



Phụ lục 01 | Các dự án đủ điều kiện

APPENDIX 01 | Eligibility project criteria

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch Renewable energy, clean energy</p> <hr/> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs UN SDGs Alignment and Contribution</p>  	<p>Các dự án đầu tư, xây dựng và vận hành cơ sở phát điện, cơ sở trong chuỗi cung ứng điện (sản xuất, lưu trữ, phân phối, lắp đặt), cơ sở hạ tầng truyền tải điện cho các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <p><i>Projects for investment in the construction and operation of generation facilities, supply chain facilities (manufacturing, dedicated storage, distribution, installation), and electric transmission infrastructure for renewable energies, including but not limited to:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Năng lượng mặt trời; <i>Solar power;</i> Năng lượng gió; <i>Wind power;</i> Năng lượng địa nhiệt có lượng phát thải trực tiếp ít hơn 100gCO₂/kWh; <i>Geothermal energy having direct emissions less than 100gCO₂/kWh;</i> Năng lượng sinh học đáp ứng đồng thời tiêu chí (1) và tiêu chí (2) sau đây: <i>Bio – energy that simultaneously meets both the following criteria 1 & 2:</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Phát thải ít các-bon; <i>Reduction of carbon emissions;</i> Tiết kiệm năng lượng; <i>Energy saving;</i> Phát triển nguồn năng lượng tái tạo; <i>Development of renewable energy;</i> Thích ứng với biến đổi khí hậu. <i>Climate change adaptation.</i> 	<p>Giảm thiểu biến đổi khí hậu. <i>Climate change mitigation.</i></p>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<p>(1) Tiêu chí 1: Công suất và phát thải:</p> <p>Criteria 1: Capacity and emissions:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cơ sở sản xuất nhiên liệu sinh học, sinh khối, khí sinh học bao gồm các cơ sở chuẩn bị nhiên liệu, cơ sở tiền xử lý và nhà máy lọc sinh học (nếu $\geq 50\%$ sản phẩm dựa trên sinh khối được sản xuất để sử dụng năng lượng) đáp ứng tiêu chí: (i) Giảm phát thải khí nhà kính 80% so với mức cơ sở sử dụng nhiên liệu hóa thạch hoặc thấp hơn 100g CO₂e/kWh VÀ (ii) Nhiên liệu sinh học phải được lấy từ nguồn nguyên liệu bền vững (chỉ cho phép gỗ thải là nguồn nguyên liệu từ gỗ); và <p><i>Facilities producing biofuel, biomass, biogas including fuel preparation process facilities, pretreatment facilities and biorefinery facilities (if $\geq 50\%$ biomass-based products produced for energy use) that meet criteria: (i) Emissions of biomass or biofuel used must be 80% lower than fossil fuel baseline or $\leq 100\text{g CO}_2\text{e/kWh}$ AND (ii) Biofuel must be sourced from a sustainable feedstock (if timber is used as feedstock, only waste timber wood is allowed); and</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cơ sở phát điện như nhà máy điện sinh khối cần áp dụng tiêu chí: (i) Phát thải của điện năng sản xuất phải thấp hơn 100g CO₂e/kWh VÀ (ii) Nhiên liệu sinh học phải được lấy từ nguồn nguyên liệu bền vững (chỉ cho phép gỗ thải là nguồn nguyên liệu từ gỗ). <p><i>Electricity generation facilities such as biomass power station need to apply the following criteria: (i) Emissions of biomass or biofuel used must be 80% lower than fossil fuel baseline or $\leq 100\text{g CO}_2\text{e/kWh}$ AND (ii) Biofuel must be sourced from a sustainable feedstock (if timber is used as feedstock, only waste timber wood is allowed).</i></p>		




Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<p>(2) Tiêu chí 2: Nguyên liệu đầu vào (không bao gồm nguyên liệu dựa trên thực phẩm) bao gồm nhưng không giới hạn ở những nguồn sau:</p> <p><i>Criteria 2: Feedstocks (excluding food-based feedstocks) include but not limited to:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các phế phẩm nông nghiệp (ví dụ: thân cây ngô); và/hoặc <i>The agricultural residues (e.g, corn stover); and/or</i> • Chất thải hữu cơ không thể tái chế của đô thị (ví dụ: chất rắn sinh học, bùn thải, thực phẩm thừa, dầu ăn); và/hoặc <i>Non – recyclable organic municipal waste (e.g., biosolids, sludge, waste food, used cooking oil); and/or</i> • Các phế phẩm từ ngành lâm nghiệp (tức là gỗ phế thải); và/hoặc <i>Forestry industry residues (Waste timber); and/or</i> • Được chứng nhận theo một trong các tiêu chuẩn thực hành tốt nhất được phê duyệt trước sau đây: RSB, RTRS, FSC, ISCC Plus, Bonsucro, Climate Bonds Agriculture Criteria. <i>Certified under one of the following pre-approved best practice standards: RSB, RTRS, FSC, ISCC Plus, Bonsucro, Climate Bonds Agriculture Criteria.</i> 		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> ● Các dự án thủy điện đã được thực hiện đánh giá về các rủi ro môi trường và xã hội bởi một cơ quan đánh giá có uy tín dựa trên các hướng dẫn thực hành tốt nhất đã được công nhận, (trong đó không có rủi ro đáng kể hoặc tác động tiêu cực dự kiến nào được xác định; đồng thời kết hợp các biện pháp để giải quyết rủi ro) và thuộc một trong các loại dự án sau: <i>Hydropower plants that performed an assessment of environmental and social risks by a credible body based on recognised best practice guidelines (with no significant risk or expected negative impact identified and incorporate measures to address risks) fall under the following categories:</i> <ul style="list-style-type: none"> ● Thủy điện nhỏ có công suất dưới 10MW; <i>Small hydroelectric projects with capacities are less than 10MW;</i> ● Thủy điện dạng dòng chảy không xây dựng bể chứa; <i>Run-of-river hydropower without an artificial reservoir;</i> ● Thủy điện tích năng đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: <i>Pumped storage meeting one of the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> (i): Mật độ công suất >5w/m². <i>Power density >5w/sqm.</i> (ii):Phát thải ≤100g CO₂e/kWh. <i>Emissions ≤100g CO₂e/kWh.</i> 		



Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Các loại thủy điện khác đáp ứng: <i>Other hydropower projects meeting the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> (i): Đối với các dự án vận hành trước năm 2020: Mật độ điện năng > 5W/m²; hoặc cường độ phát thải khí nhà kính của điện năng phát ra < 100gCO₂ e/kWh. <i>In operation before 2020: power density > 5W/m² ; or GHG emissions intensity of electricity generated < 100gCO₂ e/kWh.</i> (ii): Đối với các dự án bắt đầu vận hành từ năm 2020 trở đi: mật độ điện năng >10W/m²; hoặc cường độ phát thải khí nhà kính <50g CO₂ e/kWh. <i>Commencing operation in 2020 or after: power density >10W/m² ; or GHG emissions intensity < 50gCO₂ e/kWh.</i> • Dự án năng lượng tái tạo hải dương đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau: <i>Marine renewables meets the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch (nếu có) chỉ được sử dụng cho khởi động lại và các biện pháp giám sát, vận hành hoặc phục hồi trong trường hợp hệ thống không có điện; và <i>Fossil fuel back up (if any) can only be used for restart capability and monitoring, operating or resilience measures in the event of no power in the system; and</i> 		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết bị sưởi ấm hoặc làm mát sử dụng nhiệt đại dương cần giảm phát thải tối thiểu 80% lượng gCO₂e/kWh so với khi sử dụng nhiên liệu hóa thạch. <i>Heating or cooling facilities using ocean thermals must achieve at least 80% reduction in gCO₂e/kWh compared to fossil fuel alternative.</i> • Dự án năng lượng Hydrogen xanh đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <i>Green Hydrogen energy meets one of the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Hydrogen xanh sử dụng phương pháp điện phân được cung cấp năng lượng bởi năng lượng tái tạo; hoặc <i>Green hydrogen produced using electrolysis powered by renewable energy; or</i> • Khí thải nhà kính trong vòng đời thấp hơn 3tCO₂e/tH₂. <i>Greenhouse gas emissions in the life cycle lower than 3 tCO₂e/tH₂.</i> • Dự án truyền tải, phân phối và lưu trữ năng lượng tái tạo và năng lượng sạch không có kết nối trực tiếp với các nhà máy sản xuất điện hóa thạch và đáp ứng một trong các tiêu chí: <i>Transmission, distribution & storage systems of renewable energy and clean energy have no connections to fossil fuel power generation plants and meet one of the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Có kết nối dành riêng cho một nhà máy sản xuất điện đủ điều kiện theo một trong các tiêu chí ngành được liệt kê tại mục này (ví dụ: Năng lượng mặt trời, Năng lượng gió); <i>Have a dedicated connection to a power production plant eligible under one of the sector criteria of this section (e.g. Solar, Wind,...);</i> 		



Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Có đường nối chuyên dụng cho một nhà máy sản xuất điện có cường độ phát thải khí nhà kính thấp hơn 100g CO₂/kWh; <i>Have a dedicated connection to a power production plant operating under the low carbon power threshold (100g CO₂/kWh);</i> • Cơ sở hạ tầng được đặt trên một hệ thống có hệ số lưới bằng hoặc dưới 100g CO₂/kW; <i>The infrastructure is located on a system with a grid factor at or below 100g CO₂/kWh;</i> • Cơ sở hạ tầng được đặt trên một hệ thống mà ít nhất 67% công suất phát điện tăng thêm trong 5 năm qua nằm dưới ngưỡng năng lượng carbon thấp (100g CO₂/kWh). <i>The infrastructure is located on a system of which at least 67% of its added generation capacity in the last 5 years falls below the low carbon power threshold (100g CO₂/kWh).</i> 		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Giao thông bền vững</p> <p>Sustainable Transport</p> <hr/> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs</p> <p>UN SDGs Alignment and Contribution</p>   	<ul style="list-style-type: none"> • Các dự án mua sắm hoặc kinh doanh dịch vụ vận tải sử dụng phương tiện giao thông có công nghệ giảm phát thải (ngoại trừ máy bay, tàu hỏa, tàu thuyền, phà), ví dụ xe điện, xe chạy nhiên liệu hydrogen xanh, phương tiện vận tải có phát thải trực tiếp bằng 0 khác (không bao gồm phương tiện vận chuyển nhiên liệu hóa thạch). <i>Procurement or operation of transport services using vehicles with emission-reducing technology (excluding airplanes, trains, ships and ferries), such as electric vehicles, green hydrogen-powered vehicles, and other zero direct emission transport vehicles (excluding fossil fuel-powered vehicles).</i> • Các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông không phát thải carbon, bao gồm nhưng không giới hạn: <i>Investment in and construction of infrastructure for carbon-free transportation, including but not limited to:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Hạ tầng sạc điện và cung cấp năng lượng xanh; và/hoặc <i>Charging infrastructure and green energy supply; and/or</i> • Xe điện; và/hoặc <i>Electric vehicles; and/or</i> • Điện hóa các phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, tàu hỏa...); và/hoặc <i>Electrified public vehicles (e.g. bus, train, e.tc.); and/or</i> • Hạ tầng cho phương tiện xe thô sơ và đi bộ. <i>Infrastructure for non-motorized vehicles and public walking.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Phát thải ít các-bon; <i>Reduction of carbon emissions;</i> • Tiết kiệm năng lượng; <i>Energy saving;</i> • Phát triển nguồn năng lượng tái tạo; <i>Development of renewable energy;</i> • Thích ứng với biến đổi khí hậu. <i>Climate change adaptation.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Giảm thiểu biến đổi khí hậu; <i>Climate change mitigation;</i> • Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm. <i>Pollution Prevention and Control.</i>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> Các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông carbon thấp, bao gồm nhưng không giới hạn: <i>Investment in and construction of infrastructure for low-carbon transportation, including but not limited to:</i> <ul style="list-style-type: none"> Hạ tầng giao thông khác phục vụ chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện và năng lượng xanh; và/hoặc <i>Other transportation infrastructure dedicated to supporting the transition to electric and green energy vehicles; and/or</i> Hạ tầng cho phương tiện các-bon thấp khác (ví dụ: xe kết hợp động cơ đốt trong và động cơ điện (hybrid vehicles)). <i>Infrastructure for other low-carbon vehicles (e.g. hybrid vehicles).</i> <p>Công nghệ giảm phát thải và vận chuyển carbon thấp phải tuân thủ mức phát thải GHG trong vòng đời tối đa là 50gCO₂/p-km. <i>Emission-reducing technology and low-carbon transportation must comply with a maximum GHG emissions level of 50gCO₂ per passenger-kilometer (p-km) over the lifecycle.</i></p>		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Quản lý nước bền vững</p> <p>Sustainable Water Management</p> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs</p> <p>UN SDGs Alignment and Contribution</p>  	<p>Các dự án quản lý nước và/hoặc nước thải một cách bền vững bao gồm, nhưng không giới hạn ở, các điều sau:</p> <p><i>The management of water and/or wastewater in a sustainable way including, but not limited to, the following:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ● Xây dựng và vận hành hệ thống khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Trường hợp các nhà máy xử lý nước sạch có xây dựng hệ thống khử mặn cần đáp ứng tiêu chí cường độ carbon trung bình của năng lượng được sử dụng để cung cấp năng lượng cho nhà máy phải bằng hoặc dưới 100g CO2/kWh trong suốt thời gian tồn tại còn lại của tài sản/dự án; <i>Construction and operation of water collection, treatment and distribution and supply systems. In case water treatment plants include desalination facilities, the average carbon intensity of the energy used to power the plant must be at or below 100g CO2/kWh over the remaining lifetime of the asset;</i> ● Tái chế nước, xử lý nước thải, nước cống, xử lý phân bón và bùn lỏng; <i>Water recycling, wastewater treatment, sewage, manure and slurry treatment;</i> ● Cải thiện hiệu quả sử dụng nước thông qua việc giảm rò rỉ; <i>Improved water efficiency through reduced leakage;</i> ● Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn nước; <i>Quality management and protection of water resources;</i> ● Xây dựng công trình và lắp đặt, vận hành hệ thống tuần hoàn nước; <i>Construction, installation, operation of water circulation systems;</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ● Áp dụng kinh tế tuần hoàn; <i>Application of circular economy;</i> ● Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên đất; <i>Efficient use of natural resources, soil resources;</i> ● Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải; <i>Efficient management of water and treatment of wastewater;</i> ● Thích ứng với biến đổi khí hậu. <i>Climate change adaptation.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ● Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên; <i>Natural resource conservation;</i> ● Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm. <i>Pollution prevention and control.</i>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> ● Xây dựng công trình, lắp đặt, vận hành hệ thống thoát nước chống ngập úng; <i>Construction, installation, operation of rainage systems for flood prevention;</i> ● Xây dựng công trình và lắp đặt, vận hành hệ thống tưới tiêu thông minh; <i>Construction, installation, and operation of smart irrigation systems;</i> ● Xây dựng, lắp đặt và vận hành hệ thống giám sát nước: Mạng lưới giám sát thông minh, hệ thống cảnh báo sớm bão, hạn hán, lũ lụt hoặc vỡ đập, quy trình giám sát chất lượng hoặc khối lượng nước; <i>Construction, installation and operation of water monitoring systems: Smart monitoring networks, early warning systems for storms, droughts, floods or dam breaks, water quality or quantity monitoring processes;</i> ● Các dự án phòng chống lũ: rào chắn chống sét, trạm bơm, đê, cống,... <i>Flood prevention projects: lightning protection barriers, pumping stations, dykes, gates, etc.</i> 		




Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
Công trình xanh Green construction Mục tiêu liên kết với UN SDGs UN SDGs Alignment and Contribution  	<ol style="list-style-type: none"> Mua lại, xây dựng, phát triển, vận hành công trình xây dựng mới (bao gồm các toà nhà dịch vụ công cộng, toà nhà thương mại, dân cư...) đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <i>Acquisition, construction, development, operation of new buildings (including public service buildings, commercial buildings, residential buildings, etc.) meeting one of the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> Có giải pháp tiết kiệm năng lượng về lớp vỏ công trình và trang thiết bị trong công trình đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng³, giảm tiêu thụ năng lượng ít nhất từ 25%-30% và giảm tiêu thụ nước ít nhất từ 30% so với hiệu suất trung bình của các toà nhà cùng loại ở Việt Nam; hoặc <i>Having solutions to save energy on building envelopes and equipment in the works meeting the National Standards on energy efficient construction works and adhere to legal construction regulations⁴, reducing energy consumption by at least 25-30% and water consumption by at least 30% compared to the average performance of similar buildings within the current building stock in Vietnam; or</i> Đạt các chứng chỉ công trình xanh được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thừa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam như: <i>Achieve green building certifications from international or national organizations that have mutual recognition agreements with Vietnam, such as:</i> <ul style="list-style-type: none"> LOTUS Gold trở lên, hoặc <i>LOTUS Gold or above, or</i> BREEAM Very Good trở lên, hoặc <i>BREEAM Very Good or above, or</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; <i>Application of green economy; reduction of carbon emissions;</i> Tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo; <i>Energy saving, development of renewable energy;</i> Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường. <i>Construction of multi-purpose and environmentally-friendly infrastructure.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm; <i>Pollution prevention and control;</i> Giảm thiểu biến đổi khí hậu. <i>Climate change mitigation.</i>

3. Căn cứ theo Thông tư 15/2017/TT-BXD do Bộ Xây dựng ban hành ngày 28/12/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

4. Circular 15/2017/TT-BXD on the National Technical Regulations on Energy Efficient Construction on December 28, 2017, and its amendments, supplements, or replacements (if any).

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • EDGE Level 2 trở lên, hoặc <i>EDGE Level 2 or above, or</i> • LEED Gold trở lên, hoặc <i>LEED Gold or above, or</i> • Các chứng chỉ tương đương và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng. <i>Other equivalent certifications, while complying with legal construction regulations.</i> <p>2. Mua lại, vận hành, cải tạo/nâng cấp/tân trang công trình xây dựng (bao gồm các toà nhà dịch vụ công cộng, toà nhà thương mại, dân cư...) đạt mục tiêu công trình xanh đáp ứng đồng thời các tiêu chí:</p> <p><i>Acquisition, operation, renovation/upgrading/retrofitting of existing projects (including public service buildings, commercial buildings, residential buildings, etc.) meeting the following criteria:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Công trình cải tạo/nâng cấp/tân trang dẫn đến tiết kiệm năng lượng từ 20% trở lên so với hiệu suất cơ bản của tòa nhà trước khi cải tạo (hoặc đạt mức hiệu quả sử dụng năng lượng tối thiểu từ 25%-30% so với hiệu suất trung bình của các tòa nhà cùng loại ở Việt Nam), đồng thời giảm thiểu tiêu thụ nước ít nhất từ 20%-30% so với hiệu suất cơ bản trước khi cải tạo (hoặc so với hiệu suất trung bình của các tòa nhà cùng loại ở Việt Nam); và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng; và <p><i>Renovating/upgrading/retrofitting projects that result in energy savings of at least 20% compared to the baseline performance of the building before renovation (or of at least 25%-30% compared to the average performance of similar buildings within the current building stock in Vietnam); as well as achieving water savings of at least</i></p>		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<p>20%-30% compared to the baseline performance of the building before renovation (or compared to the average performance of similar buildings within the current building stock in Vietnam) and comply with legal construction regulations; and</p> <ul style="list-style-type: none"> Cải tạo (retrofit) dẫn đến việc tòa nhà đạt được một trong các hệ thống chứng nhận ngành xây dựng đủ điều kiện như: Retrofitting that results in the building achieving one of the eligible construction industry certification systems such as: <ul style="list-style-type: none"> LOTUS Gold trở lên, hoặc <i>LOTUS Gold or above, or</i> BREEAM Very Good trở lên, hoặc <i>BREEAM Very Good or above, or</i> EDGE Level 2 trở lên, hoặc <i>EDGE Level 2 or above, or</i> LEED Gold trở lên, hoặc <i>LEED Gold or above, or</i> Các chứng chỉ tương đương và tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng. <i>Other equivalent certifications, while complying with legal construction regulations.</i> <p>Việc tài trợ cho các dự án tại mục (1) và (2) nêu trên không bao gồm hệ thống làm mát, sưởi ấm vận hành bằng nhiên liệu hóa thạch.</p> <p><i>The funding for the projects mentioned in sections (1) and (2) above does not include cooling and heating systems that operate on fossil fuels.</i></p>		


Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Nông - Lâm - Thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>Sustainable Agriculture - Forestry - Fisheries and Biodiversity Conservation</p> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs</p> <p>UN SDGs Alignment and Contribution</p>   	<p>Các dự án nông-lâm-thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học bao gồm, nhưng không giới hạn, ở những dự án sau:</p> <p><i>Sustainable agricultural, forestry, aquacultural and biodiversity conservation projects including, but not limited to, the following:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Các dự án khai thác, nuôi trồng chế biến nông nghiệp (không bao gồm các dự án sản xuất nông nghiệp trên đất than bùn) đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt và ứng dụng công nghệ cao có các cam kết và chứng minh liên quan tới việc: (i) Không phá rừng, (ii) Không làm thay đổi hệ sinh thái tự nhiên, (iii) Tham gia vào các nỗ lực bảo vệ đa dạng hệ sinh thái, (iv) Ứng dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, các biện pháp thu giữ carbon và các biện pháp giảm thiểu khí nhà kính khác. Đồng thời, các dự án phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <p><i>Agricultural extraction, production and cultivation, and processing projects (excluding agricultural production on peatland) that meet good practice standards and apply advanced technology with commitments and evidence related to: (i) No deforestation, (ii) No alteration of natural ecosystems, (iii) Participation in efforts to protect biodiversity, (iv) Application of energy-saving measures, use of renewable energy, carbon capture measures, and other greenhouse gas reduction measures, and meet one of the following criteria:</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường; <i>Renovation and upgrading of environmental protection works;</i> Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; <i>Replacement of technologies towards application of best available techniques;</i> Áp dụng kinh tế xanh; <i>Application of and green economy;</i> Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; <i>Prevention and reduction of environmental emergency;</i> 	<ul style="list-style-type: none"> Thích ứng với biến đổi khí hậu; <i>Climate change adaptation;</i> Đa dạng sinh học; <i>Biodiversity;</i> Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên. <i>Natural resource conservation.</i>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> ● Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, GLOBALGAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam; hoặc <i>Certification of good agricultural practice standards domestically or internationally (VIETGAP, GLOBALGAP) or equivalent certifications recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam; or</i> ● Tiêu chuẩn quốc gia về trồng trọt hữu cơ; hoặc <i>National standards for organic farming; or</i> ● Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc Nhãn môi trường theo TCVN ISO/TS 14027, hoặc các nhãn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam. <i>Vietnam Green Label or Environmental Label according to TCVN ISO/TS 14027, or equivalent labels recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam.</i> ● Các dự án khai thác, nuôi trồng chế biến lâm nghiệp (không bao gồm các dự án sản xuất gỗ trên đất than bùn) đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt và ứng dụng công nghệ cao và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <i>Forestry extraction, production and cultivation, and processing projects (excluding timber production on peatland) that meet good practice standards and apply advanced technology must meet one of the following criteria:</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ● Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; <i>Environmental remediation after environmental emergency;</i> ● Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất; <i>Efficient use of natural resources, soil resources;</i> ● Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường; <i>Construction of multi-purpose and environmentally friendly infrastructure;</i> 	



Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam; hoặc <i>FSC (Forest Stewardship Council) National Forest Management Standards of Vietnam or equivalent certifications recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam; or</i> • Nhãn sinh thái Việt Nam /Nhãn môi trường theo TCVN ISO/TS 14027 hoặc các nhãn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam. <i>Vietnam Green Label / Environmental Label according to TCVN ISO/TS 14027 or equivalent labels recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam.</i> • Các dự án khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản đáp ứng tiêu chuẩn thực hành tốt, ứng dụng công nghệ cao, có các cam kết và chứng minh liên quan tới việc: (i) Giảm phát thải khí nhà kính; (ii) Thực hiện các biện pháp chống suy thoái môi trường. Đồng thời, các dự án phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau: <i>Aquaculture extraction, production and cultivation, and processing projects that meet good practice standards and apply advanced technology with commitments and evidence related to: (i) Reducing greenhouse gas emissions; (ii) Implementing measures to combat environmental degradation; and meet one of the following criteria:</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên. <i>Climate change adaptation and investment in development of natural capital.</i> 	

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> <p>• Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thuỷ sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, GLOBALGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam; hoặc</p> <p><i>Certification of good aquaculture practice standards domestically or internationally (VIETGAP, GLOBALGAP, BAP) or equivalent certifications recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam; or</i></p> <p>• Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc nhãn môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO/TS 14027 hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam.</p> <p><i>Vietnam Green Label or Environmental Label according to TCVN ISO/TS 14027 or equivalent standards recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam.</i></p> <p>• Các dự án bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn rừng, bảo tồn tài nguyên đáp ứng một trong các chỉ tiêu sau:</p> <p><i>Biodiversity conservation, forest conservation, and resource conservation projects meet one of the following criteria:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <p>• Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam; hoặc</p> <p><i>Vietnam National FSC Forest Management Standard or equivalent certifications recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam; or</i></p> 		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc nhãn môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO/TS 14027 hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam. <p><i>Vietnam Green Label or Environmental Label according to TCVN ISO/TS 14027 or equivalent standards recognized by international or national organizations with mutual recognition agreements with Vietnam.</i></p>		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên</p> <p>Waste Management and Resource Efficiency</p> <hr/> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs</p> <p>UN SDGs Alignment and Contribution</p> 	<p>Các dự án quản lý chất thải và tài nguyên bền vững bao gồm nhưng không giới hạn ở những dự án sau:</p> <p><i>Sustainable waste management and resource efficiency projects including, but not limited to, the following projects:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dự án thu gom, phân loại, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý: rác thải, chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp); chất thải nguy hại, nước thải (nước thải đô thị, nước thải khu dân cư tập trung, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ); khí thải, và đáp ứng các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> <i>Collection, sorting, transferring, transporting, reuse, recycling, and waste treatment; solid waste including municipal and industrial waste; hazardous waste; urban and residential wastewater; medical wastewater; wastewater from business activities; and air emissions must meet the following criteria:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Thu gom cho mục đích tái chế; và <i>Collection for recycling purposes; and</i> • Phương tiện vận tải để thu gom, phân loại, chung chuyển và vận chuyển đạt tiêu chuẩn về điều kiện Giao thông xanh; <i>Collection, sorting, transfer, and transportation vehicles must meet green Transport Criteria;</i> • Không chôn lấp, đốt trực tiếp chất thải. <i>No landfill, direct incineration of waste.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Phát thải ít các-bon; <i>Reduction of carbon emissions;</i> • Tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo. <i>Energy saving, development of renewable energy.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> • Giảm thiểu biến đổi khí hậu; <i>Climate change mitigation;</i> • Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên; <i>Natural resource conservation;</i> • Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm. <i>Pollution prevention and control.</i>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> ● Các dự án tái sử dụng chất thải rắn; <i>Reuse of solid waste;</i> ● Các dự án tái chế chất thải thành nguyên liệu thô thứ cấp. <i>Recycling waste into secondary raw materials.</i> 		

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
<p>Sử dụng năng lượng hiệu quả</p> <p>Energy Efficiency</p> <hr/> <p>Mục tiêu liên kết với UN SDGs</p> <p>UN SDGs Alignment and Contribution</p>  	<p>Nhằm thúc đẩy một xã hội ít carbon và tiết kiệm năng lượng thông qua điện khí hóa, cũng như cải thiện hiệu suất năng lượng thông qua các công nghệ và/hoặc quy trình, các dự án đủ điều kiện bao gồm nhưng không giới hạn ở các lĩnh vực sau:</p> <p><i>Promote a low-carbon and energy-efficient society through electrification, as well as improve energy performance through technologies and/or processes, including but not limited to the following areas:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Các dự án xây dựng (xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng tòa nhà mới hoặc cải tạo/nâng cấp/tân trang tòa nhà hiện hữu) dẫn đến tiết kiệm năng lượng ít nhất 20%, bao gồm nhưng không giới hạn: <p><i>Construction projects (Infrastructure, new buildings, or renovation/upgrading/refurbishment of existing buildings) that result in at least 20% energy savings, including but not limited to:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Cải thiện hiệu suất nhiệt của các tiện ích như thu hồi nhiệt thải, cải thiện hệ thống phát điện khu vực, hệ thống làm mát, nồi hơi với các giải pháp tiết kiệm năng lượng và không sử dụng trực tiếp nhiên liệu hoá thạch; hoặc <p><i>Improve thermal performance of utilities such as waste heat recovery, enhancement of regional power generation systems, cooling systems, and boilers with energy-saving solutions and not directly using fossil fuels; or</i></p> • Cải tạo bằng năng lượng tái tạo; hoặc <p><i>Retrofit using renewable energy; or</i></p> 	<ul style="list-style-type: none"> • Cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường; <p><i>Renovation and upgrading of environmental protection works;</i></p> • Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; <p><i>Replacement of technologies towards application of best available techniques;</i></p> • Áp dụng kinh tế tuần hoàn, phát thải ít các-bon; <p><i>Application of circular economy, reduction of carbon emissions;</i></p> 	<ul style="list-style-type: none"> • Giảm thiểu biến đổi khí hậu; <p><i>Climate change mitigation;</i></p> • Bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên; <p><i>Natural resource conservation;</i></p> • Kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm. <p><i>Pollution prevention and control.</i></p>

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Các giải pháp phần mềm và tự động hóa để giảm tiêu thụ điện năng, bao gồm Hệ thống Quản lý Năng lượng Thông minh, các ứng dụng khoa học máy tính (Machine learning) và trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên nhu cầu và tiêu thụ năng lượng; hoặc <i>Software and automation solutions to reduce electricity consumption, including Smart Energy Management Systems, machine learning applications, and artificial intelligence based on energy demand and consumption; or</i> • Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng bao gồm thiết bị mạng, hệ thống sưởi ấm, thông gió, điều hòa không khí, hệ thống làm lạnh, chiếu sáng và thiết bị điện trong các tòa nhà để cải thiện hiệu quả năng lượng; hoặc <i>Using energy – efficient equipment, including networks devices, heating, ventilation, air conditioning systems, cooling systems, lighting, and electrical appliances in buildings to improve energy efficiency; or</i> • Cải tạo hệ thống phân phối, đường truyền tải hoặc trạm biến áp để giảm sử dụng/thất thoát năng lượng nhưng không bao gồm các đường dây truyền tải, phân phối điện hỗ trợ các nhà máy điện chạy bằng nhiên liệu hóa thạch; hoặc <i>Retrofit distribution systems, transmission lines, or substations to reduce energy use or loss but excluding transmission and distribution lines that support fossil fuel - powered plants; or</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ● Ngăn chặn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; <i>Prevention and reduction of environmental pollution;</i> ● Cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; <i>Environmental remediation after environmental emergency;</i> ● Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải. <i>Efficient management of water and treatment of wastewater.</i> 	

Ngành Eligible Project Categories	Tiểu ngành/Loại hình dự án Eligibility Criteria	Mục tiêu liên kết với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Alignment with the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14	Mục tiêu môi trường chính theo ICMA Environmental objectives according to ICMA
	<ul style="list-style-type: none"> • Cải tạo thiết bị tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn như đèn LED và hệ thống quản lý chiếu sáng cảm biến giám sát. <i>Retrofit energy-saving equipment, such as LED lights and sensor-based lighting management systems.</i> • Các dự án mua lại, phát triển, sản xuất và lắp đặt công nghệ/thiết bị/linh kiện tiết kiệm năng lượng, bao gồm nhưng không giới hạn: <i>Acquisition, development, production, and installation of energy-saving technologies, equipment, or components, including but not limited to:</i> <ul style="list-style-type: none"> • Thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng (ví dụ: đèn LED); hoặc <i>Energy-saving lighting (e.g., LED lights); or</i> • Đồng hồ thông minh; hoặc <i>Smart meters; or</i> • Hệ thống sưởi ấm, thông gió và điều hòa không khí (HVAC) tiết kiệm năng lượng; hoặc <i>Energy-efficient heating, ventilation, and air conditioning (HVAC) systems; or</i> • Hỗ trợ cải thiện hiệu quả năng lượng về lưu trữ pin cho các nguồn năng lượng tái tạo. <i>Supporting the improvement of energy efficiency in battery storage for renewable energy sources.</i> 		

Phụ lục 02 | Các tiêu chí loại trừ

APPENDIX 02 | *Exclusionary criteria*

Vietcombank loại trừ những dự án/hoạt động dưới đây ra khỏi danh mục Các Dự Án Đủ Điều Kiện cho Trái phiếu xanh:

Vietcombank excludes the following projects/activities out of Eligible Projects for Vietcombank Green Bonds:

1. Sản xuất hoặc các hoạt động trong chuỗi giá trị liên quan đến các hình thức buôn người, bóc lột/gây hại cho người lao động cưỡng bức⁵ và/hoặc lao động trẻ em⁶;
Production or activities along value chains involving harmful or exploitative forms of forced labour⁷ and/or child labour⁸;
2. Sản xuất hoặc buôn bán bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào bị coi là bất hợp pháp theo luật hoặc quy định tại Việt Nam;
Production of or trade in any product or activity deemed illegal under Vietnamese laws or regulations;
3. Buôn bán động vật hoang dã hoặc các sản phẩm từ động vật hoang dã được quy định theo Công ước về Buôn bán Quốc tế các Loài Động vật và Thực vật Hoang dã Nguy cấp (CITES)⁹;
Trade in wildlife or wildlife products regulated under the Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES)¹⁰;
4. Sản xuất hoặc buôn bán thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ¹¹, hoặc các chất gây suy giảm tầng ozone¹² theo lộ trình loại bỏ hoặc cấm sử dụng quốc tế;
Production of or trade in pesticides/herbicides¹³, or ozone-depleting substances¹⁴ subject to international phase outs or bans;



5. Lao động cưỡng bức có nghĩa là tất cả các công việc hoặc dịch vụ không được thực hiện một cách tự nguyện, mà bị ép buộc từ một cá nhân dưới mối đe dọa của bạo lực hoặc hình phạt.
6. Lao động trẻ em có nghĩa là việc sử dụng lao động trẻ em có độ tuổi dưới độ tuổi lao động tối thiểu theo quy định của quốc gia sở tại hoặc sử dụng lao động trẻ em trái với quy định của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).
7. Forced labour means all work or service not voluntarily performed, that is extracted from an individual under threat of force or penalty.
8. Child labour means the employment of children whose age is below the host country's statutory minimum age of employment or employment of children in contravention of International Labour Organization.
9. Danh sách các loài thuộc CITES có sẵn tại www.cites.org.
10. A list of CITES is available from www.cites.org.
11. Danh sách các loại thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ bị loại bỏ hoặc cấm có sẵn tại www.pic.int.
12. Danh sách các hợp chất hóa học phản ứng với và làm suy giảm tầng ozone trong tầng bình lưu, dẫn đến những lỗ thủng ozone được công bố rộng rãi, được liệt kê trong Nghị định thư Montreal, cùng với các mục tiêu giảm và loại bỏ. <https://ozone.unep.org/?q=home>.
13. List of pesticides and herbicides subject to phase-outs or bans is available from www.pic.int.
14. A list of the chemical compounds that react with and deplete stratospheric ozone, resulting in the widely publicized ozone holes is listed in the Montreal Protocol, together with target reduction and phase out dates. <https://ozone.unep.org/?q=home>.

5. Buôn bán xuyên biên giới chất thải hoặc các sản phẩm từ chất thải¹⁵, ngoại trừ chất thải không nguy hại dành cho tái chế;

Transboundary trade in waste or waste products¹⁶, except for non-hazardous waste destined for recycling;

6. Các hoạt động đánh bắt thủy sản biển và ven biển, như đánh bắt lưới trôi quy mô lớn và đánh bắt bằng lưới mắt nhỏ, gây hại cho các loài dễ tổn thương và được bảo vệ với số lượng lớn và gây hại đến đa dạng sinh học và môi trường sống biển;

Marine and coastal fishing practices, such as large-scale pelagic drift net fishing and fine mesh net-fishing, harmful to unwanted vulnerable and protected species in large numbers and damaging to the marine biodiversity and habitats;

7. Canh tác thâm canh cây trồng đơn điệu như đậu nành và cây trồng biến đổi gen;

Intensive farming of monocultures such as soy and genetically engineered plants;

8. Các hoạt động nông nghiệp đã từng hoặc được thực hiện trên đất được coi là “có trữ lượng carbon cao” (bao gồm cả đất hữu cơ);

Agricultural activities carried out on land that is or previously has been deemed to be “of high carbon stock” (including organic soils);

9. Sản xuất dầu cọ và gỗ, trừ khi người đăng ký có thể chứng minh rõ ràng rằng chúng không liên quan đến phá rừng, suy thoái rừng hoặc tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học;

Palm oil and timber production, unless the applicant can clearly demonstrate that they are not associated with deforestation, forest degradation, or negative biodiversity impacts;

10. Sản xuất hoặc buôn bán vũ khí và đạn dược, bao gồm cả vật liệu bán quân sự;

Production of or trade in weapons and munitions, including paramilitary materials;

11. Sản xuất hoặc buôn bán vật liệu phóng xạ, bao gồm cả lò phản ứng hạt nhân và các thành phần của chúng¹⁷;

Production of or trade in radioactive materials, including nuclear reactors and components thereof¹⁸;

12. Các dự án hạt nhân cũng như bất kỳ sự hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp nào cho các công ty hoạt động trong các dự án hạt nhân mà không có chiến lược loại bỏ hạt nhân rõ ràng trong ngắn hạn;

Nuclear projects as well as any direct and indirect support to companies operating nuclear projects without a clear, near-term nuclear phase-out strategy;



15. Theo định nghĩa của Công ước Basel. Xem tại www.basel.int.

16. As defined by the Basel Convention. See www.basel.int.

17. Không áp dụng cho việc mua thiết bị y tế, thiết bị kiểm soát chất lượng (đo lường), và bất kỳ thiết bị nào mà MECDD cho rằng nguồn phóng xạ là không đáng kể và/hoặc được che chắn đầy đủ.

18. This does not apply to the purchase of medical equipment, quality control (measurement) equipment, and any equipment where MECDD considers the radioactive source to be trivial and/or adequately shielded.

13. Thăm dò, khai thác và khai khoáng nhiên liệu hoá thạch và hoạt động sản xuất điện từ năng lượng hóa thạch (ví dụ như than đá, dầu mỏ và khí đốt tự nhiên);
Prospection, exploration and mining of fossil fuels, as well as power generation activities from fossil energy (such as coal, oil, and natural gas);
14. Các dự án cơ sở hạ tầng cho thăm dò, vận chuyển, lưu trữ và phân phối năng lượng hoá thạch như than đá, dầu mỏ hoặc khí đốt;
Infrastructure projects for fossil fuel (i.e. coal, oil, or gas) exploration, transport, storage, and distribution;
15. Sản xuất điện từ than đá, dầu mỏ hoặc khí đốt; các hoạt động của các công ty có doanh thu từ các hoạt động liên quan đến than đá vượt quá 30%;
Power generation from coal, oil, or natural gas; activities by companies that derive more than 30% of their revenues from coal-related operations;
16. Các khoản đầu tư có rủi ro cao về việc gây ra lượng khí thải nhà kính đáng kể trong tương lai; dựa trên nguyên tắc này, các giao dịch phát điện từ nhiên liệu hóa thạch phát thải carbon thấp và hiệu quả năng lượng, như tài trợ cho việc cải tiến hiệu quả nhà máy điện đốt than, sẽ bị loại trừ;
Generally, investments that have a high risk of locking in significant future greenhouse gas emissions; based on this principle, fossil fuel-based lower-carbon and energy efficient generation transactions, such as financing for efficiency retrofits of coal-fired power plants, are excluded;
17. Các dự án đập và thủy điện lớn không áp dụng những thực hành quốc tế tốt như được đề cập bởi Ủy ban Thế giới về Đập (World Commissions on Dams) (ví dụ: các dự án thủy điện có công suất phát điện lớn hơn 20MW);
Large dam and hydropower projects that do not incorporate good international practices such as those laid down by the World Commission on Dams; (ie, projects that generate greater than 20 MW of electricity);
18. Bơm và cô lập địa chất carbon dioxide liên quan đến việc đốt, khai thác hoặc sản xuất nhiên liệu hóa thạch;
Injection and geologic sequestration of carbon dioxide in relation to the burning, extraction, or production of fossil fuel;
19. Sản xuất, bán buôn, hoặc bán lẻ đồ uống có cồn;
Manufacture, wholesale, or retail of alcoholic beverages;
20. Sản xuất, bán buôn, hoặc bán lẻ các sản phẩm thuốc lá;
Manufacture, wholesale, or retail of tobacco products;
21. Sở hữu hoặc vận hành các doanh nghiệp cờ bạc;
Ownership or operation of gambling enterprises;
22. Sản xuất hoặc phân phối các sản phẩm giải trí người lớn.
Production or distribution of adult entertainment materials.

Phụ lục 03

APPENDIX

Chỉ số tác động môi trường tiềm năng

Potential impact indicators

Lĩnh vực tác động Projects	Các chỉ số tác động Impact Indicators
Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch Renewable energy	<ul style="list-style-type: none"> • Lượng khí nhà kính (GHG) giảm thiểu/tránh được hàng năm tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e); <i>Annual GHG emissions reduced/avoided (tCO2e);</i> • Số Gigawatt-giờ (GWh) năng lượng được tạo ra từ năng lượng tái tạo hàng năm; <i>Annual renewable energy generation (GWh);</i> • Công suất của dự án năng lượng tái tạo (MW). <i>Capacity of renewable energy (MW).</i>
Giao thông bền vững Sustainable transport	<p>Lượng khí nhà kính (GHG) giảm thiểu/tránh được hàng năm tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e). <i>Annual GHG emissions reduced/avoided (tCO2e).</i></p>
Quản lý nước bền vững Sustainable Water Management	<ul style="list-style-type: none"> • Lượng nước sạch tạo ra (lít); <i>Amount of clean water produced (litres);</i> • Chất lượng nước sạch tạo ra; <i>Quality of clean water produced;</i> • Lượng nước tái chế (lít); <i>Amount of water recycled (litres);</i> • Lượng nước tái sử dụng (lít); <i>Amount of water reused (litres);</i> • Lượng nước thải tái sử dụng (lít). <i>Amount of wastewater reused (litres).</i>
Công trình xanh Green construction	<ul style="list-style-type: none"> • Lượng khí nhà kính (GHG) giảm thiểu/tránh được hàng năm tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e); <i>Annual GHG emissions reduced/avoided (tCO2e);</i> • Năng lượng tiết kiệm được hàng năm (GWh). <i>Annual energy savings (GWh).</i>

Lĩnh vực tác động Projects	Các chỉ số tác động Impact Indicators
<p>Nông - Lâm - Thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học</p> <p>Sustainable Agriculture - Forestry - Fisheries and Biodiversity Conservation</p>	<ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ năng suất tăng hàng năm so với năm cũ (%); <i>Annual increase rate in productivity (%);</i> Lượng thuốc bảo vệ thực vật và các chất hóa học độc hại giảm thiểu hàng năm (kg/ha); <i>Annual reduction in the application of pesticides and hazardous chemicals (kg/hectare);</i> Diện tích đất rừng và đất nông nghiệp được chứng nhận đất rừng và đất nông nghiệp môi trường bền vững; <i>Area of forest and agriculture under environmentally sustainable forestry and agricultural certification;</i> Mô tả các biện pháp và công nghệ cao đã ứng dụng. <i>Describe the measures and advanced technologies have been applied.</i>
<p>Quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên</p> <p>Waste Management and Resource Efficiency</p>	<ul style="list-style-type: none"> Lượng chất thải được ngăn chặn, giảm thiểu, tái sử dụng hoặc tái chế trước và sau khi tiêu thụ; <i>Amount of waste that is prevented, minimised, reused or recycled before and after using;</i> Lượng khí nhà kính (GHG) giảm thiểu/tránh được hàng năm tính bằng tấn trên mỗi CO2 tương đương (tCO2e). <i>Annual GHG emissions reduced/avoided (tCO2e).</i>
<p>Sử dụng năng lượng hiệu quả</p> <p>Energy Efficiency</p>	<ul style="list-style-type: none"> Năng lượng tiết kiệm hàng năm (GWh); <i>Annual energy savings (GWh);</i> Số Gigawatt-giờ (GWh) năng lượng được tạo ra từ năng lượng tái tạo hàng năm; <i>Annual renewable energy generation (GWh);</i> Mô tả việc cải thiện hiệu quả năng lượng. <i>Description of the expected improvement in energy efficiency.</i>





Vietcombank's
**GREEN
BOND**
FRAMEWORK

Khung trái phiếu xanh của Vietcombank



JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM

Add: No. 198 Tran Quang Khai Str., Ly Thai To Ward, Hoan Kiem Dist., Ha Noi, Vietnam

Tel: (+84) 24 3934 3137

Fax: (+84) 24 3826 9067

Swift: BFTV VNVX

Website: www.vietcombank.vn